TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST Ngày: 14-4-2026 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T sinh năm 1995 số CCCD: 031095002984; địa chỉ: Thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Thu H sinh năm 1995; số CCCD: 092195002457; nơi ĐKTT: Thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú hiện nay: Số A khu vực H, phường Ô, thành phố Cần Thơ; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; được Văn phòng C, thành phố Cần Thơ chứng thực chữ kí - số chứng thực 120, quyển 02 ngày 15/12/2025).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2026 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng năm 2019. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả; hiện tại đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm không còn nên đề nghị được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Phạm Bùi Ngọc H1 sinh ngày 24/9/2019 và Phạm Bùi Quỳnh H2 sinh ngày 12/3/2021 do chị H đang trực tiếp nuôi. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng để cho chị H nuôi cả 2 con; không yêu cầu tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Lời khai tại bản tự khai (được Văn phòng C, thành phố Cần Thơ chứng thực chữ kí; số chứng thực 120, quyển 02 ngày 15/12/2025) bị đơn Bùi Thị Thu H trình bày: Thống nhất toàn bộ lời trình bày của anh T về hôn nhân, con chung, tài sản chung. Chị H đồng ý ly hôn anh T, chị H nhận trách nhiệm nuôi hai con chung Phạm Bùi Ngọc H1 và Phạm Bùi Quỳnh H2. Chị H không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn cư trú trên địa phận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng. Nơi bị đơn cư trú không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng. Tuy nhiên chị H có đơn lựa chọn Tòa nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với anh T được Văn phòng C, thành phố Cần Thơ chứng thực chữ kí (số chứng thực 120, quyển 02 ngày 15/12/2025) nên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về tố tụng:

[2.1] Việc vắng mặt của đương sự: Các bên đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng đều có đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bị đơn được Văn phòng C, thành phố Cần Thơ chứng thực chữ kí. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2.2] Việc tham gia của Viện kiểm sát: Vụ án này Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, không có đối tượng thuộc diện Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của BLTTDS nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án không có sự tham gia của Viện kiểm sát.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T và chị H được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A (nay là xã A, thành phố Hải Phòng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 25/10/2019 nên hợp pháp. Việc các bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không, đời sống chung không còn tồn tại đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh T chị H có con chung như trình bày ở trên là đúng. Các bên thỏa thuận để chị H trực tiếp nuôi con Phạm Bùi Ngọc H1 và Phạm Bùi Quỳnh H2 là tự nguyện, bảo đảm được lợi ích toàn diện của các con nên chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 21, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị Thu H.

Về nuôi con chung: Giao con Phạm Bùi Ngọc H1 sinh ngày 24/9/2019 và Phạm Bùi Quỳnh H2 sinh ngày 12/3/2021 cho chị Bùi Thị Thu H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị Thu H không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị Thu H không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 18 ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã An Quang, TP Hải Phòng (ĐKKH số 59/2019);
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

Đỗ Văn Dũng